**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN**
**ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SXD ngày /4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai)*

*(Biểu mẫu theo Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)*

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Bùi Thị Hoàng Cúc** | **GL-0001** | 25/09/1991 | K21/28 Chế Lan Viên, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 2 | **Lê Trọng Đạt** | **GL-0002** | 29/09/1984 | Tổ 39, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng | |
| 3 | **Đoàn Quang Dũng** | **GL-0003** | 03/11/1990 | Tổ 5, Khu phố 26, Phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai | |
| 4 | **Huỳnh Thị Hà** | **GL-0004** | 03/08/1980 | Tổ 76 Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 5 | **Nguyễn Thị Ngọc Hà** | **GL-0005** | 10/08/1989 | Tổ 70 Thanh Vinh, phường Liên Chiểu, Đà Nẵng | |
| 6 | **Lê Đức Hoà** | **BĐ-2613** | 05/01/2000 | Khu phố Mỹ Hoà, Phường Hoà Hiệp, Đăk Lăk | **Cấp lần thứ hai** |
| 7 | **Trần Quang Huy** | **GL-0006** | 24/09/1992 | TDP 14, thị trấn Cẩm Xuyên, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh | |
| 8 | **Võ Đức Huy** | **BĐ-2638** | 20/09/1996 | Thôn 6, xã Sông Hinh, Đăk Lăk | **Cấp lần thứ hai** |
| 9 | **Nguyễn Anh Khoa** | **GL-0007** | 20/07/1990 | Thôn Chánh Định, Xã Ngô Mây, Tỉnh Gia Lai | |
| 10 | **Phan Thanh Mãi** | **GL-0008** | 26/02/1995 | Thôn Tai Đa, Tiên Phong, Tiên Phước, Quảng Nam | |
| 11 | **Nguyễn Thị Quỳnh Nga** | **GL-0009** | 27/09/1993 | Thôn Trà Long, Bình Trung, Thăng Bình, Quảng Nam | |
| 12 | **Phan Văn Phúc** | **GL-0010** | 10/08/1995 | Thôn Khe Giao 2, Ngọc Sơn, Thạch hà, Hà Tĩnh | |
| 13 | **Nguyễn Lê Nhã Phương** | **GL-0011** | 01/01/1985 | Tổ 11, Khu vực 2, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai | |
| 14 | **Bành Thị Hồng Phượng** | **GL-0012** | 28/01/1979 | B1829 Chung cư TMS, 28 Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 15 | **Nguyễn Văn Sơn** | **GL-0013** | 07/10/1990 | K21/28 Chế Lan Viên, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 16 | **Trần Viết Thảo** | **GL-0014** | 14/12/1985 | 31/3 An Dương Vương, An Cựu, Huế | |
| 17 | **Hồ Trung Thu** | **GL-0015** | 26/09/1988 | Tổ 49, Khu phố 63, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 18 | **Nguyễn Nhật Tiến** | **GL-0016** | 09/05/1996 | K129/5A Hải Phòng, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 19 | **Huỳnh Thị Bảo Trâm** | **GL-0017** | 20/12/1995 | Thôn Thắng Kiên, xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai | |
| 20 | **Đoàn Ngọc Trọng** | **GL-0018** | 15/08/1979 | Tổ 6, Khu phố Vân Hội 1, Xã Tuy Phước, Gia Lai | |
| 21 | **Lê Thị Trú** | **GL-0019** | 28/08/1992 | TDP Ngân Hà, Phường Đông Ninh Hoà, Khánh Hoà. | |
| 22 | **Mai Xuân Tuấn** | **GL-0020** | 05/03/1987 | 2 Lê Văn Miến, Tây Lộc, Huế | |
| 23 | **Đỗ Xuân Tuấn** | **GL-0021** | 02/12/1978 | Tổ 5, phường Pleiku, Gia Lai | |
| 24 | **Phạm Hùng Tuấn** | **GL-0022** | 14/10/1995 | Đội 3, La Hà 1, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 25 | **Ông Văn Tùng** | **GL-0023** | 14/02/1990 | Căn P2 - 10.10, Chung cư FPT Plaza 2, tổ 46, P. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | |
| 26 | **Nguyễn Thị Ánh Tuyết** | **GL-0024** | 30/04/1990 | 674 Tây Sơn, Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định | |
| 27 | **Nguyễn Đôn A** | **GL-0025** | 04/05/1988 | Thôn Tân Thọ Bắc, An Nhơn Tây, Gia Lai | |
| 28 | **Nguyễn Thanh  An** | **GL-0026** | 18/09/1989 | 92 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 29 | **Trần Ngọc An** | **GL-0027** | 06/07/1995 | Tổ 12,KP2, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 30 | **Nguyễn Thị Ân** | **GL-0028** | 10/11/1994 | Phường Hoài Nhơn, Tỉnh Gia Lai | |
| 31 | **Đậu Thị Trâm Anh** | **GL-0029** | 18/09/1993 | Tổ 15 phường Long Biên, Hà Nội | |
| 32 | **Đinh Thị Kim Anh** | **GL-0030** | 12/11/1987 | K51/17 Lương Thế Vinh, Tổ 14, An Hải Đông, Sơn Trà, Đà Nẵng | |
| 33 | **Đỗ Hoài Anh** | **GL-0031** | 16/03/1976 | Tổ 2, KV8, Phường Quy Nhơn Tây, Gia Lai | |
| 34 | **Hoàng Thị Kim Anh** | **GL-0032** | 04/10/1991 | Xã Ia Grai, Gia Lai | |
| 35 | **Lê Dương Kỳ Anh** | **GL-0033** | 18/12/1998 | Thôn Tân Quý, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm tình Khánh Hoà | |
| 36 | **Lương Trung Anh** | **GL-0034** | 24/07/1985 | 39B Mai Thúc Loan, Phường Thống Nhất, Gia Lai | |
| 37 | **Nguyễn Đình Anh** | **GL-0035** | 16/02/1997 | Phong Nhất, Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam | |
| 38 | **Nguyễn Văn Anh** | **GL-0036** | 16/12/1993 | Quang Hiện, Điện Hòa, Điện Bàn, Quảng Nam | |
| 39 | **Phạm Mai Anh** | **GL-0037** | 01/01/2003 | Tổ 6, Yên Thế, Pleiku, Gia Lai | |
| 40 | **Lê Thị Minh Ánh** | **GL-0038** | 07/04/2003 | Tổ dân phố 1, Đắk Hà, Kon Tum | |
| 41 | **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** | **GL-0039** | 20/01/1991 | 120/2 Y Wang, Tổ dân phố 4, Eakao, Đắk Lăk | |
| 42 | **Ngô Thiên Ban** | **GL-0040** | 25/10/1992 | 11 Trần Kiên, Phù Đổng, Pleiku, Gia Lai | |
| 43 | **Dương Văn Bảo** | **GL-0041** | 10/08/1998 | 20/10 Tố Hữu, Phường Thành Nhất, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 44 | **Lê Văn Bảo** | **GL-0042** | 08/09/1998 | 55 đường 2 tháng 9, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 45 | **Nguyễn Trần Quốc Bảo** | **GL-0043** | 16/10/1992 | Tổ 4, Nghĩa Chánh, Quảng Ngãi, Quảng Ngãi | |
| 46 | **Nguyễn Văn Bảo** | **GL-0044** | 29/11/2002 | Thôn Tân Lập, Lạc Lâm, Đỏn Dương, Lâm Đồng | |
| 47 | **Phan Vũ Bảo** | **GL-0045** | 01/09/1997 | Thôn 7, xã Biển Hồ, Gia Lai | |
| 48 | **Trần Thị Bé** | **GL-0046** | 10/12/1991 | Tổ 2 Hội Thương, Pleiku, Gia Lai | |
| 49 | **Nguyễn Thị Bích** | **GL-0047** | 01/01/1985 | Phú Trung, Quảng Phú, Lâm Đồng | |
| 50 | **Phan Hồng Bích** | **GL-0048** | 27/02/1984 | 32 Vũ Đình Liên, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 51 | **Cao Văn Bình** | **GL-0049** | 04/05/1984 | Phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | |
| 52 | **Lê Bình** | **GL-0050** | 29/03/1990 | Phường Hoà Xuân, Đà Nẵng | |
| 53 | **Lê Văn  Bình** | **GL-0051** | 26/04/1994 | Số 4 An Trung Đông 6, An Hải, Đà Nẵng | |
| 54 | **Phan Thái Bình** | **GL-0052** | 01/05/1990 | Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 55 | **Nguyễn Thị Linh Cảm** | **GL-0053** | 10/10/1992 | 299 Lê Duẩn, Tổ 4, Thắng Lợi, Pleiku, Gia Lai | |
| 56 | **Mai Thị Cẩm** | **GL-0054** | 13/07/1994 | Thôn 1, Tân Tiến, Krông Pắc, Đắk Lắk | |
| 57 | **Nguyễn Đức Cẩn** | **GL-0055** | 12/09/1993 | Thôn Đắk Rơ Đe, Ngok Bay, Kon Tum | |
| 58 | **Vũ Thị Cẩn** | **GL-0056** | 26/09/1985 | Căn hộ 2506, tòa A7, CC An Bình City, KĐT TPGL, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội | |
| 59 | **Huỳnh Thị  Chánh** | **GL-0057** | 12/12/1990 | 594 Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai | |
| 60 | **Võ Thị Kim Châu** | **GL-0058** | 10/06/1992 | Tổ 2, Thôn Bình An, Xã Hưng Lộc, Thành phố Huế | |
| 61 | **Nguyễn Gia Chiến** | **GL-0059** | 05/05/1985 | Tường Dinh, Đại Đồng, Nghệ AN | |
| 62 | **Lê Văn Chín** | **GL-0060** | 18/09/1989 | thôn Thọ Tân Bắc, xã An Nhơn Tây, Gia Lai | |
| 63 | **Nguyễn Thị Chính** | **GL-0061** | 10/08/1981 | 334 Hoàng Sa, Diên Phú, Phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | |
| 64 | **Nguyễn Văn  Chính** | **GL-0062** | 02/04/1992 | 34/38 Lương Định Của, Khu vực Tiên Hoà, Phường An Nhơn Đông, Gia Lai | |
| 65 | **Nguyễn Thị Thúy Chung** | **GL-0063** | 22/08/1995 | Tân An, Tây Sơn, Bình Định | |
| 66 | **Phạm Thị Cúc** | **GL-0064** | 10/01/1980 | 56 Phan Bội Châu, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 67 | **Phan Thị Cúc** | **GL-0065** | 20/11/2003 | Toà Vina 2 Parorama, Khu Đê Đông, Phường Quy Nhơn Đông, Gia Lai | |
| 68 | **Lê Thị Kim Cương** | **GL-0066** | 01/06/1993 | Tổ 10, Phù Đổng, Pleiku, Gia Lai | |
| 69 | **Doãn Kiên Cường** | **GL-0067** | 10/09/1993 | 112 Trần Phú, Đắk Đoa, Gia Lai | |
| 70 | **Nguyễn Ngọc Cường** | **GL-0068** | 08/10/1995 | Xã Vu Gia, Đà Nẵng | |
| 71 | **Nguyễn Tiến Cường** | **GL-0069** | 25/11/1987 | 10 Trung Lương 17, Hòa Xuân, Đà Nẵng | |
| 72 | **Võ Đăng Cường** | **GL-0070** | 06/09/1991 | Thôn Thanh Triều, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Quảng Nam | |
| 73 | **Cao Ngọc Đắc** | **GL-0071** | 27/05/1995 | Bình Điền, Hương Trà, Huế | |
| 74 | **Đặng Thị Hoàng Đài** | **GL-0072** | 24/10/1995 | Thống Nhất, Thành phố Kon Tum, Kon Tum | |
| 75 | **Tạ Quốc Đại** | **GL-0073** | 01/08/1984 | 6 Ngô Gia Thiều, Lộc Phát, Bảo Lộc, Lâm Đồng | |
| 76 | **Trần Phước Đại** | **GL-0074** | 03/11/1992 | Điện Bàn, Quảng Nam | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 77 | **Bùi Văn Danh** | **GL-0075** | 20/12/1991 | Thôn Đại Phú, Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên | |
| 78 | **Nguyễn Thị Đào** | **GL-0076** | 17/05/1994 | Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng | |
| 79 | **Nguyễn Thị Bích Đào** | **GL-0077** | 19/02/1987 | Phú Hậu, Cát Tiên, Phù Cát, Bình Định | |
| 80 | **Hồ Văn Đạo** | **GL-0078** | 14/02/1987 | Nguyễn Đình Chiểu, Pleiku, Gia Lai | |
| 81 | **Nguyễn Ngọc Đạo** | **GL-0079** | 17/06/1995 | Thôn Giao Hội II, Hoàn Tân, TX Hoài Nhơn, Bình Định | |
| 82 | **Nguyễn Văn Minh Đạo** | **GL-0080** | 26/04/1998 | Kiên Ngãi, Bình Thành, Tây Sơn, Bình ĐỊnh | |
| 83 | **Đỗ Văn Đạt** | **GL-0081** | 08/02/1997 | Tổ 31, Khu phố 6, Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 84 | **Lã Tuấn Đạt** | **GL-0082** | 23/05/1984 | Số 5 TT Bờ Sông, Hồng Hà, Hà Nội | |
| 85 | **Nguyễn Hữu Đạt** | **GL-0083** | 12/11/1997 | Thạnh Xuân Đông, Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định | |
| 86 | **Phạm Thành Đạt** | **GL-0084** | 08/06/1989 | Tổ 3, Thống Nhất, Pleiku, Gia Lai | |
| 87 | **Lê Thị Xuân Diệp** | **GL-0085** | 06/01/1992 | 334B Nguyễn Thái Học, tổ 5, khu phố 11, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | |
| 88 | **Lê Cẩm Diệu** | **GL-0086** | 30/08/1989 | Chiên chiết-Bờ Y-Quảng Ngãi | |
| 89 | **Lê Thị Diệu** | **GL-0087** | 01/03/1992 | Thôn Gia Nghĩa, xã Thạch Hà, Hà Tĩnh | |
| 90 | **Nguyễn Văn Đình** | **GL-0088** | 15/07/1992 | Thôn Hòa Mỹ, Quế Xuân 2, Quế Sơn, Quảng Nam | |
| 91 | **Bùi Đinh Thiên Định** | **GL-0089** | 15/06/1987 | Chánh Thuận, Phù Mỹ Tây, Gia Lai | |
| 92 | **Đào Văn Đôn** | **GL-0090** | 17/07/1990 | Thôn Ya De, Ya Xieerr, Sa Thầy, Kon Tum | |
| 93 | **Nguyễn Thành Đồng** | **GL-0091** | 04/06/1995 | Xã Nam Phước, Đà Nẵng | |
| 94 | **Lê Đoàn Duẩn** | **GL-0092** | 04/04/1998 | K294/46/06 Nguyễn Lương Bằng, Liên Chiểu, Đà Nẵng | |
| 95 | **Đào Hữu Đức** | **GL-0093** | 03/05/1999 | 4/24 Trần Thúc Nhẫn, thành phố Huế | |
| 96 | **Hoàng Đình Đức** | **GL-0094** | 23/02/2000 | Blo, Ia Băng, Khánh Hoà | |
| 97 | **Hồng Mỹ Đức** | **GL-0095** | 06/11/1990 | 47 Bùi Đình Túy, Phường Pleiku, Gia Lai | |
| 98 | **Lâm Phương Đức** | **GL-0096** | 17/08/2005 | Tổ 48, Xuân Hà, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 99 | **Lê Lê Minh Đức** | **GL-0097** | 15/06/2003 | Số nhà 25, Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, Gia Lai | |
| 100 | **Ngô Ngọc Đức** | **GL-0098** | 15/05/1994 | Thôn An Phổ, Bình Lâm, Hiệp Đức, Quảng Nam | |
| 101 | **Nguyễn Văn Đức** | **GL-0099** | 20/10/1992 | Thôn Phú Hữu 1, xã Ân Tường, tỉnh Gia Lai | |
| 102 | **Cao Thị Mỹ Dung** | **GL-0100** | 16/07/1998 | Thôn 2A, xã Ea Hleo, Đắk Lắk | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 103 | **Lê Thị Mỹ Dung** | **GL-0101** | 10/07/1986 | Tổ 4, Ayun Pa, Gia Lai | |
| 104 | **Lương Giang Hoàng Dung** | **GL-0102** | 23/07/1985 | 97 đường Bắc Đẩu, tổ 46, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 105 | **Hoàng Anh Dũng** | **GL-0103** | 07/02/1986 | Khu phố 5, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai | |
| 106 | **Lưu Hải Dương** | **GL-0104** | 21/04/1993 | Hòa Lễ, Krông Bông, Đắk Lắk | |
| 107 | **Huỳnh Thanh  Duy** | **GL-0105** | 21/08/1990 | Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | |
| 108 | **Nguyễn Đức Duy** | **GL-0106** | 15/11/1996 | 572/24 Ông Ích Khiêm, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 109 | **Nguyễn Phan Phạm Duy** | **GL-0107** | 02/02/1997 | TDP Hàng Gòn, Sơn Hà, Quảng Ngãi | |
| 110 | **Vũ Quang Duy** | **GL-0108** | 02/01/1996 | Tổ 26,  Mân Thái, Đà Nẵng | |
| 111 | **Huỳnh Thị Duyên** | **GL-0109** | 18/02/1991 | Thôn Hiệp Vinh 1. Xã Canh Vinh. Tỉnh Gia Lai | |
| 112 | **Nguyễn Thị Mỹ Duyên** | **GL-0110** | 20/04/2002 | Thôn Tân Quảng, Ea Kênh, Krông Pắc, Đắk Lắk | |
| 113 | **Trần Hoàng Mỹ Duyên** | **GL-0111** | 08/06/1995 | Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | |
| 114 | **Trương Thị Duyên** | **GL-0112** | 06/09/1985 | Tổ 7 Thống Nhất, Gia Lai | |
| 115 | **Võ Thuỳ Duyên** | **GL-0113** | 22/10/1997 | Khu phố Luật Lễ, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai | |
| 116 | **Lê Thị Dy** | **GL-0114** | 02/04/1988 | Thôn 8, Đắk Cấm, Kon Tum | |
| 117 | **Lê Thị Em** | **GL-0115** | 06/09/1992 | Tổ 71 Nại Hiên Đông, Sơn Trà, Đà Nẵng | |
| 118 | **Võ Thị  Gái** | **GL-0116** | 14/08/1996 | Khối 5, Núi Thành, TP Đà Nẵng | |
| 119 | **Nguyễn Hữu Giang** | **GL-0117** | 11/11/1983 | Thôn Tân Thắng, An Hòa, Quỳnh Lưu, Nghệ An | |
| 120 | **Nguyễn Hữu Trường Giang** | **GL-0118** | 03/12/1985 | Tổ dân phố 6, Ea Kao, Đắk Lắk | |
| 121 | **Nguyễn Thị Hương Giang** | **GL-0119** | 22/12/1990 | 04 Phù Đổng, Kon Tum, Quảng Ngãi | |
| 122 | **Trần Nguyễn Hà Giang** | **GL-0120** | 03/02/1993 | Thôn Đông Nhơn Châu, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 123 | **Phan Thị Quỳnh Giao** | **GL-0121** | 07/04/1998 | Tiên Phù Tây, Tiên Phước, Đà Nẵng | |
| 124 | **Nguyễn Hữu  Giao** | **GL-0122** | 20/03/1974 | 278A Cách Mạng Tháng 8, Tổ dân phố 11 Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai | |
| 125 | **Nguyễn Thị Ngọc Giàu** | **GL-0123** | 18/01/1985 | 75E đường số 9, khu phố 29, phường Thông Tây Hội, HCM | |
| 126 | **Ngô Viết Guyn** | **GL-0124** | 03/09/1992 | Thôn Lạng Xá Bàu, Thủy Thanh, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế | |
| 127 | **Bùi Thị Việt Hà** | **GL-0125** | 20/02/1997 | TDP 7, Trà Bá, Pleiku, Gia Lai | |
| 128 | **Lê Thanh Thanh Hà** | **GL-0126** | 09/04/1994 | 5/268A Điện Biên Phủ, Trường An, Huế | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 129 | **Nguyễn Thị Hà** | **GL-0127** | 06/10/1991 | 30/10 Yết Kiêu, tổ 2, P.Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai | |
| 130 | **Nguyễn Viết Hà** | **GL-0128** | 16/01/1986 | 101 Nguyễn Du, phường Quy Nhơn, Gia Lai | |
| 131 | **Trương Thị Cẩm Hà** | **GL-0129** | 09/03/1995 | Tổ 29, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 132 | **Bùi Thị Bảo Hạ** | **GL-0130** | 30/09/1983 | Knum, Kon Giang, Gia Lai | |
| 133 | **Đặng Văn Hải** | **GL-0131** | 02/09/1995 | Tổ 8 Tân An, Thăng An, Đà Nẵng | |
| 134 | **Lê Nguyễn Trọng Hải** | **GL-0132** | 23/09/1997 | TDP Bình Hoà 2, Phường Cư Bao, Tỉnh Đăk Lăk | |
| 135 | **Lê Thanh Hải** | **GL-0133** | 27/08/1988 | Khu phố 1, phường 1, Đông Hà, Quảng Trị | |
| 136 | **Mạch Phi Hải** | **GL-0134** | 18/01/1985 | Số 5 Thép Mới, tổ 72 Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 137 | **Phạm Thị Hải** | **GL-0135** | 24/08/1990 | Khu phố 8, Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa | |
| 138 | **Nguyễn Đức Hân** | **GL-0136** | 03/06/1995 | Tổ 35, Phước Mỹ, Sơn Trà, Đà Nẵng | |
| 139 | **Nguyễn Ngọc Hân** | **GL-0137** | 14/03/1984 | 318 Nguyễn Tất Thành, Tổ 2, khu Nghĩa Trung, xã Đại Lộc, TP Đà Nẵng | |
| 140 | **Bùi Thị Thu Hằng** | **GL-0138** | 28/10/1993 | Thôn 3, Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Ngãi | |
| 141 | **Đỗ Thị Thuý Hằng** | **GL-0139** | 05/04/1985 | Thôn Dương Liễu Tây- Xã Bình Dương- Gia Lai | |
| 142 | **Dương Minh Hằng** | **GL-0140** | 22/01/1987 | P1101/T2 Tổ 46, phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng | |
| 143 | **Hà Thị Mỹ Hằng** | **GL-0141** | 27/04/1997 | Thôn Nghĩa Hưng 4, Biển Hồ, Gia Lai | |
| 144 | **Mai Thị Thu Hằng** | **GL-0142** | 27/10/1993 | Phường An Phú, tỉnh Gia Lai | |
| 145 | **Thân Thị Thu Hằng** | **GL-0143** | 09/01/1998 | Thôn Tiến Thành, Quảng Phú, Đắk Lắk | |
| 146 | **Trần Thị  Hằng** | **GL-0144** | 02/01/1989 | Tdp5 xã Krông Năng, Đăk Lăk | |
| 147 | **Vũ Thị Hằng** | **GL-0145** | 22/04/2000 | Khuê Trung, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 148 | **Đỗ Thị Thuý Hạnh** | **GL-0146** | 29/09/2002 | Cư Kuin, Đăk Lăk | |
| 149 | **Kiều Thị Hạnh** | **GL-0147** | 27/07/1987 | Tổ 9, Bàu Súng, Thanh Hà, TP. Hội An, Quảng Nam | |
| 150 | **Trần Thị Mỹ Hạnh** | **GL-0148** | 06/08/1995 | 45/ 3 Bế Văn Đàn , Phường Quy Nhơn Nam , tỉnh Gia Lai | |
| 151 | **Nguyễn Như Hảo** | **GL-0149** | 27/05/2000 | Phước Hiệp, Tuy Phước, Gia Lai | |
| 152 | **Vũ Thị Thúy Hảo** | **GL-0150** | 25/07/1982 | 299 Bạch Đằng, Tổ 19, KV9, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 153 | **Ngô Đông Hậu** | **GL-0151** | 17/11/1994 | 449 Bùi Thiện Ngộ, Hòa Xuân, Đà Nẵng | |
| 154 | **Nguyễn Công Hậu** | **GL-0152** | 26/11/1995 | 31 Lê Văn Hưu, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 155 | **Nguyễn Phước Hậu** | **GL-0153** | 08/02/1994 | Xã Hoài Ân, Gia Lai | |
| 156 | **Nguyễn Thị Hậu** | **GL-0154** | 26/09/1982 | Làng Chuet Ngol, phường An Phú, Gia Lai | |
| 157 | **Trần Thị Mỹ Hậu** | **GL-0155** | 03/10/1994 | 02/94 Phạm Ngọc Thạch, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 158 | **Lê Thị Mỹ Hiên** | **GL-0156** | 04/06/1990 | Thôn An Thạch, xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | |
| 159 | **Phạm Thị Hiên** | **GL-0157** | 08/02/1995 | 149 Hùng Vương, Thôn Tốt Biơch, Xã Chư Sê. Gia Lai | |
| 160 | **Lê Thị Hiền** | **GL-0158** | 27/09/1994 | Thôn Khuông Phò Đông, xã Quảng Điền, Thành phố Huế | |
| 161 | **Nguyễn Thị Thu Hiền** | **GL-0159** | 08/04/1985 | 493 Lê Đại Hành, Tổ 2, Yên Thế, Pleiku, Gia Lai | |
| 162 | **Nguyễn Thế Hiển** | **GL-0160** | 28/01/1992 | 19/11 Phùng Khắc Khoan, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 163 | **Bùi Văn Hiệp** | **GL-0161** | 02/01/1981 | Số 263 Đường 631 Tổ Dân Phố Thanh Liêm, Phường An Nhơn Đông, Tỉnh Gia Lai | |
| 164 | **Trần Văn Hiệp** | **GL-0162** | 18/10/1996 | Tổ 4, Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | |
| 165 | **Võ Hoàng Thanh Hiệp** | **GL-0163** | 12/10/1987 | Hẻm 177 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai | |
| 166 | **Hoàng Đức Hiếu** | **GL-0164** | 10/04/1987 | 25 Cổ Mân Lan 2, Hòa Xuân, Đà Nẵng | |
| 167 | **Lê Trung Hiếu** | **GL-0165** | 02/09/1990 | Trịnh Vân Bắc, Mỹ Trinh, Phù Mỹ, Bình Định | |
| 168 | **Nguyễn Đình Hiếu** | **GL-0166** | 02/05/1994 | 29A, đường 18A, thôn 3 Hoà Thuận, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk | |
| 169 | **Nguyễn Trung Hiếu** | **GL-0167** | 09/02/1995 | Thôn Hà Làng 2, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | |
| 170 | **Nguyễn Văn Hiếu** | **GL-0168** | 13/06/1986 | Tổ 3, Hội Thương, Pleiku, Gia Lai | |
| 171 | **Phạm Mạnh  Hiếu** | **GL-0169** | 11/07/1990 | 21 Chế Viết Tân, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 172 | **Phạm Thị Hạnh Hiếu** | **GL-0170** | 02/10/1989 | 65 Chi Lăng, phường Pleiku, Gia Lai | |
| 173 | **Nguyễn Thị Tuyết Hoa** | **GL-0171** | 29/09/1992 | Tổ 28A. Khu phố 14, phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai | |
| 174 | **Nguyễn Hữu Hoà** | **GL-0172** | 12/05/1985 | Tổ 57, Khu vực 11, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 175 | **Nguyễn Minh Hòa** | **GL-0173** | 01/07/1995 | Tổ 4 Hội Phú, Pleiku, Gia Lai | |
| 176 | **Nguyễn Thị Thanh Hoài** | **GL-0174** | 16/01/1981 | 230 Lê Duẩn, Phường Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 177 | **Phạm Văn Hoàng** | **GL-0175** | 01/06/1988 | Tân Thành, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | |
| 178 | **Trần Huy Hoàng** | **GL-0176** | 20/05/1991 | Tổ 2, thôn Đông Tác, xã Thắng Trường, Đà Nẵng | |
| 179 | **Trịnh Võ Hoàng** | **GL-0177** | 02/05/1992 | Tổ 1, Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 180 | **Hồ Đức Hoạt** | **GL-0178** | 08/12/1994 | 27 Phước Tường 14, An Hải, Đà Nẵng | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 181 | **Hoàng Thị Huế** | **GL-0179** | 20/09/1982 | Thôn 4b, xã eadrang, Đắk Lắc | |
| 182 | **Vũ Thị Huế** | **GL-0180** | 02/10/1992 | Căn hộ B504, CC FPT Plaza, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 183 | **Lê Thị Nhật Huệ** | **GL-0181** | 22/11/1999 | Thôn Trung Thứ, Xã Phù Mỹ, Tỉnh Gia Lai | |
| 184 | **Trần Thị Kim  Huệ** | **GL-0182** | 15/07/1994 | Số nhà 21, đường Lê Cơ, tổ 7C, khu phố 1, Phường quy Nhơn Đông, Tỉnh Gia lai | |
| 185 | **Lê Cảnh Hùng** | **GL-0183** | 19/02/1994 | Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai | |
| 186 | **Lê Xuân  Hùng** | **GL-0184** | 10/10/1994 | SỐ 18-LÊ QUÝ ĐÔN-PHƯỜNG NHA TRANG, Khánh Hòa | |
| 187 | **Phạm Ngọc Hùng** | **GL-0185** | 01/01/1987 | 06 Phùng Khắc Khoan, Yên Đỗ, Pleiku, Gia Lai | |
| 188 | **Trần Ngọc Hùng** | **GL-0186** | 12/10/2003 | Khối phố An Nam, Tân Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam | |
| 189 | **Lê Khải Hưng** | **GL-0187** | 16/06/1994 | 521 phạm văn đồng , tổ 2 , phường thống nhất , tỉnh gia lai | |
| 190 | **Nguyễn Thế  Hưng** | **GL-0188** | 02/11/1990 | 349/8 Hoàng văn thụ, Phường Quy Nhơn nam, Gia Lai | |
| 191 | **Nguyễn Trọng Hưng** | **GL-0189** | 09/04/1991 | Eakao, Đắk Lăk | |
| 192 | **Nguyễn Văn Hưng** | **GL-0190** | 01/12/1989 | Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng | |
| 193 | **Trần Duy Hưng** | **GL-0191** | 04/07/1992 | Phường Diên Hồng, Gia Lai | |
| 194 | **Bùi Thu Hương** | **GL-0192** | 14/02/1990 | 87 Lê Chân, Tổ 10, phường Thống Nhất, Gia Lai | |
| 195 | **Lê Thị  Hương** | **GL-0193** | 29/01/1988 | Đồng Bàu 1, Mã Thành, Yên Thành, Nghệ AN | |
| 196 | **Lê Thị Kim Hương** | **GL-0194** | 10/04/1984 | 38 Nguyễn Văn Nghi, An Phú, Gia Lai | |
| 197 | **Phạm Thị Hương** | **GL-0195** | 12/05/1983 | 45 An Dương Vương. An Phú, Gia Lai | |
| 198 | **Trần Thị Mỹ Hương** | **GL-0196** | 13/03/1986 | Tổ 48, Nại Hiên Đông,  Sơn Trà, Đà Nẵng | |
| 199 | **Trần Thị Hường** | **GL-0197** | 04/05/1993 | 51 Đa Phước 1, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 200 | **Nguyễn Thị Hường** | **GL-0198** | 10/10/1990 | Tổ 2, Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai | |
| 201 | **Phan Ngọc  Hữu** | **GL-0199** | 20/04/1982 | Chánh Khoan Tây , xã Bình Dương, Gia Lai | |
| 202 | **Phan Minh Huy** | **GL-0200** | 28/08/1993 | 27 Nguyễn Nghiêm, Tổ 24, phường Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 203 | **Tôn Thất Trần Huy** | **GL-0201** | 19/06/1993 | K30A/04 Đặng Thai Mai, phường Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 204 | **Lê Nữ Khánh Huyền** | **GL-0202** | 12/03/1996 | Tổ 5, Khu phố 26, Phường Quy Nhơn Nam, Gia Lai | |
| 205 | **Lê Thị Ngọc Huyền** | **GL-0203** | 19/07/1993 | Phường Diên Hồng, Gia Lai | |
| 206 | **Phạm Thị Hương Huyền** | **GL-0204** | 20/12/1997 | Thôn Mỹ Thạnh, xã Việt An, Đà Nẵng | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 207 | **Lê Quang Khang** | **GL-0205** | 17/03/1996 | 30 Võ Phước, Ghềnh Ràng, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 208 | **Nguyễn Văn Khang** | **GL-0206** | 12/06/2000 | Thôn 1, Xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | |
| 209 | **Dương Thị Khánh** | **GL-0207** | 16/10/1992 | Phù Liễn, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội | |
| 210 | **Nguyễn Trần Nhật Khánh** | **GL-0208** | 22/08/1998 | Long Thành, Phước Mỹ, Quy Nhơn | |
| 211 | **Phan Lê Khánh** | **GL-0209** | 01/06/1998 | Tổ 1B, Khu phố 58, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 212 | **Huỳnh Khắc Khiêm** | **GL-0210** | 02/02/1991 | Thôn 9, Xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai | |
| 213 | **Đinh Thị Khoa** | **GL-0211** | 20/08/1990 | Thôn 1, Trà Đa, Pleiku, Gia Lai | |
| 214 | **Đỗ Đăng Khoa** | **GL-0212** | 15/06/1988 | Thống Nhất, Gia Lai | |
| 215 | **Lê Thị Khuyên** | **GL-0213** | 18/07/1981 | thôn Mook Trang, xã Ia Dom, tỉnh Gia Lai | |
| 216 | **Nguyễn Thị Phương Khương** | **GL-0214** | 11/06/1983 | 15.01 Tháp 3, khu P1, KPH nhà ở TM, Tân Phú, Quận 7, Hồ Chí Minh | |
| 217 | **Bùi Vinh Kiên** | **GL-0215** | 29/11/1993 | Tổ 11 phường Phú  Diễn, Hà Nội | |
| 218 | **Lê Thị Châu Kiều** | **GL-0216** | 01/07/1990 | Tổ Dân phố 2, Diên Phú, Phường Diên Hồng- Gia Lai | |
| 219 | **Nguyễn Thị Bích Kiều** | **GL-0217** | 07/12/1987 | Tổ 36, Khu phố 5, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 220 | **Vi Thị Kiều** | **GL-0218** | 15/04/1984 | Tổ dân phố 9, Chư Ty, Đức Cơ, Gia Lai | |
| 221 | **Vương Thị Thúy Kiều** | **GL-0219** | 21/05/2002 | KP1, phường 3, Quảng Trị | |
| 222 | **Lê Hoàng Kim** | **GL-0220** | 06/12/1992 | 417C/42 Lê Lợi, Hội Thương, Thành phố Pleiku, Gia Lai | |
| 223 | **Nguyễn Ngọc Lâm** | **GL-0221** | 25/11/1996 | Thôn Phước Đức, xã Quế Sơn Trung, Đà Nẵng | |
| 224 | **Nguyễn Hữu Lâm** | **GL-0222** | 31/12/1996 | Tổ 17, Hòa Thuận Đông, Đà Nẵng | |
| 225 | **Nguyễn Võ Lâm** | **GL-0223** | 14/08/2004 | Phường Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 226 | **Huỳnh Ngọc Lan** | **GL-0224** | 15/06/1985 | 450 Nguyễn Huệ, xã Đắk Đoa, Gia Lai | |
| 227 | **Nguyễn Thị Lan** | **GL-0225** | 10/08/1992 | TDP 2, Chư Prong, Gia Lai | |
| 228 | **Cao Thế Lanh** | **GL-0226** | 19/03/1986 | Thôn Thanh Tân, xã Ia Krêu, Gia Lai | |
| 229 | **Nguyễn Thị Lệ** | **GL-0227** | 01/06/1994 | Xâ Lãnh Ngọc, Đà Nẵng | |
| 230 | **Nhữ Thị Lệ** | **GL-0228** | 08/04/1985 | Hẻm 81/115B đường 1915 phường Ea Kao, Đắk Lắk | |
| 231 | **Trần Thị Lệ** | **GL-0229** | 11/08/1981 | 151 Lê Đình Dương, Nam Dương, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 232 | **Võ Văn Lệ** | **GL-0230** | 16/11/1979 | Tổ 3 khu phố An Lộc 2, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 233 | **Cao Thị Kim Liên** | **GL-0231** | 25/08/1988 | 67 Trương Quang Được, Hòa Qúy, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 234 | **Nghiêm Thị Thùy Liên** | **GL-0232** | 07/11/1995 | K249/53/8 Hà Huy Tập, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 235 | **Nguyễn Thị Liên** | **GL-0233** | 03/11/1988 | Xã Phú Hồ, Thành phố Huế | |
| 236 | **Trần Thị Hải Liên** | **GL-0234** | 24/10/1981 | Buôn Đung B, Xã EaKhal. Tỉnh Đâk Lăk | |
| 237 | **Trần Thị Kim Liên** | **GL-0235** | 21/11/1992 | KP Tăng Long 2 Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định | |
| 238 | **Huỳnh Liễn** | **GL-0236** | 10/06/1982 | Tổ 5 Ninh Tịnh 2, Phường Tuy Hoà, Đăk Lăk | |
| 239 | **Khương Thùy Linh** | **GL-0237** | 04/03/1987 | 7 Ngách 95/03 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội | |
| 240 | **Lê Khánh Linh** | **GL-0238** | 20/03/1994 | Phường Sơn Trà, Đà Nẵng | |
| 241 | **Ngô Thị Hoài Linh** | **GL-0239** | 17/09/2003 | TDP An Hải, Thuận An, Đã Nẵng | |
| 242 | **Phan Thiên Tài Linh** | **GL-0240** | 10/01/1993 | | |
| 243 | **Trần Hữu Linh** | **GL-0241** | 22/06/1995 | 50 đường Trưng Nhị, tổ 48, Hòa Cường, Đà Nẵng | |
| 244 | **Trần Thị Mỹ Linh** | **GL-0242** | 05/06/2003 | Hiệp Phổ Trung, Hành Trung, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | |
| 245 | **Trịnh Thị Phương Linh** | **GL-0243** | 05/02/1981 | 2/10 Phan Đình Phùng, tổ 3, Tây Sơn,Pleiku, Gia Lai | |
| 246 | **Đỗ Thị Mai Loan** | **GL-0244** | 02/06/1990 | Tổ 1, KV3, Phường Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | |
| 247 | **Lê Thị Loan** | **GL-0245** | 21/03/1993 | D6/162A, Tổ 6, ấp 4, Phong Phú, Bình Chánh, Hồ Chí Minh | |
| 248 | **Nguyễn Thị Thanh Loan** | **GL-0246** | 28/09/1987 | Phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi | |
| 249 | **Trần Thị Mai Loan** | **GL-0247** | 29/03/1989 | Tổ 17 Hào Thọ Tây, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 250 | **Trần Thị Thuý Loan** | **GL-0248** | 10/10/1985 | Khu Phố Trung Tín 1, Xã Tuy Phước, Tỉnh Gia Lai | |
| 251 | **Vy Thị Bích Loan** | **GL-0249** | 04/02/1978 | CH 6410 Chung cư CT6C, VĐT, Vĩnh Ngọc, phường Tây Nha Trang | |
| 252 | **Huỳnh Hữu Lộc** | **GL-0250** | 09/02/1996 | 179 Lê Duẩn, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 253 | **Nguyễn Hùng Lộc** | **GL-0251** | 25/09/1993 | Thôn Nhuận Sơn, Duy Phú, Duy Xuyên, Quảng Nam | |
| 254 | **Nguyễn Hữu Lộc** | **GL-0252** | 06/12/1989 | 46 Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 255 | **Nguyễn Hữu Lộc** | **GL-0253** | 19/09/2000 | Thôn 24, Xã Krông Bông, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 256 | **Nguyễn Văn Lộc** | **GL-0254** | 14/08/1994 | 31 Đinh Đức Thiện, Hòa Khánh, Đà Nẵng | |
| 257 | **Trần Duy Lộc** | **GL-0255** | 26/04/1996 | Tổ 50, khu phố 50, Quy Nhơn, Gia Lai | |
| 258 | **Nguyễn Tiến Lợi** | **GL-0256** | 08/09/1985 | Cát Tường, Phù Cát, Bình Định | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 259 | **Phạm Lợi** | **GL-0257** | 11/07/2003 | Xã Điện Bàn Tây, thành phố Đà Nẵng | |
| 260 | **Lê Thanh Long** | **GL-0258** | 23/02/1990 | Phường Pleiku, Gia Lai | |
| 261 | **Nguyễn Đình Long** | **GL-0259** | 12/02/2004 | Làng Bi De. Ia Krai, Ia Grai, Gia Lai | |
| 262 | **Võ Ngọc Long** | **GL-0260** | 26/10/1984 | 13/67 nguyễn thiếp, tổ 6 phường diên Hồng,gia Lai | |
| 263 | **Vũ Đình Long** | **GL-0261** | 14/10/1992 | Cổ An Đông, Điện Nam Đông, Điện Bàn, Quảng Nam | |
| 264 | **Đặng Thế Luân** | **GL-0262** | 16/04/1989 | Khu 3, Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh | |
| 265 | **Nguyễn Ngọc Luận** | **GL-0263** | 20/05/1993 | 39 Nguyễn Bá Ngọc, Pleiku, Gia Lai | |
| 266 | **Nguyễn Văn Luận** | **GL-0264** | 10/02/1970 | 53 Vân Đồn, Nha Trang, Khánh Hoà | |
| 267 | **Nguyễn Công Lũy** | **GL-0265** | 04/12/1996 | Bàng Tân, Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam | |
| 268 | **Nguyễn Thị  Luyên** | **GL-0266** | 27/05/1983 | Lô 17 khu B-02 Lê Hồng Phong, Nam Nha Trang, Khánh Hoà | |
| 269 | **Nguyễn Thị Mai Ly** | **GL-0267** | 15/07/1991 | 60 Cẩm Bắc 8, tổ 56, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 270 | **Nguyễn Việt Phương Ly** | **GL-0268** | 27/01/1992 | 85 Nayder, phường Pleku, tỉnh Gia Lai | |
| 271 | **Lê Thị Lý** | **GL-0269** | 25/02/1986 | Làng Sơn, Ia Nan, Đức Cơ, Gia Lai | |
| 272 | **Nguyễn Thị Lý** | **GL-0270** | 05/08/1993 | EaKap, Cư Pong, Đắk Lắk | |
| 273 | **Đinh Thị Tuyết Mai** | **GL-0271** | 22/12/1988 | Tổ 1, TràBá, Pleiku, Gia Lai | |
| 274 | **Hồ Thị Mai** | **GL-0272** | 19/05/1985 | Eadinh dleya daklak | |
| 275 | **Nguyễn Thị Quỳnh Mai** | **GL-0273** | 25/09/1994 | Khu phố Thạnh Sơn, Hồ Tràm, Hồ Chí Minh | |
| 276 | **Phạm Thị Mai** | **GL-0274** | 17/11/1991 | Tổ 2, KP1, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình ĐỊnh | |
| 277 | **Trần Thị Ngọc Mai** | **GL-0275** | 26/07/2004 | Tuyên Hoá, Quảng Bình | |
| 278 | **Nguyễn Văn  Mạnh** | **GL-0276** | 14/08/1994 | Tổ 10, khu phố 2, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | |
| 279 | **Đỗ Thị Hạ Mi** | **GL-0277** | 08/02/1998 | Thôn Phú Bình, xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi | |
| 280 | **Phan Thị Hoài Mi** | **GL-0278** | 10/02/2004 | Phường Yên Thế, Pleiku, Gia Lai | |
| 281 | **Bùi Thị  Minh** | **GL-0279** | 20/08/1985 | Yên Mê, Ia Boong, Gia Lai | |
| 282 | **Đỗ Anh Minh** | **GL-0280** | 20/04/1994 | K97/6 Lý Tự Trọng, Thanh Bình, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 283 | **Dương Văn Minh** | **GL-0281** | 12/03/1993 | Tổ dân phố số 2, Kon Dỡng, Mang Yang, Gia Lai | |
| 284 | **Nguyễn Phương Minh** | **GL-0282** | 11/04/1980 | Tổ 4, Hữu Nghị, Hòa Bình, Hòa Bình | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 285 | **Nguyễn Thị Hồng Minh** | **GL-0283** | 31/03/1980 | 55 Lý Đạo Thành, An Hải, Đà Nẵng | |
| 286 | **Nguyễn Trường Minh** | **GL-0284** | 25/11/1998 | Phường Hải Vân, Đà Nẵng | |
| 287 | **Nguyễn Văn Minh** | **GL-0285** | 25/12/1985 | 58/2 Đặng Thai Mai, tổ 7, An Phú, Gia Lai | |
| 288 | **Phạm  Minh** | **GL-0286** | 27/06/1990 | 26 Mạc Đỉnh Chi, Hải Châu 2, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 289 | **Thái Thị Minh** | **GL-0287** | 27/07/1998 | Thôn Vinh Phú, Bình Trung, Thăng Bình, Quảng Nam | |
| 290 | **Trần Võ Anh Minh** | **GL-0288** | 18/02/2001 | 39 đường 34,khu phố 37, Thủ Đức, Hồ Chí Minh | |
| 291 | **Nguyễn Thị Huyền My** | **GL-0289** | 24/08/2002 | Thôn Bích Tân, Tam Xuân 1, Núi Thành, Quảng Nam | |
| 292 | **Nguyễn Thị Trà My** | **GL-0290** | 08/09/1997 | Xóm 3, Hương Khê, Hà Tĩnh | |
| 293 | **Trần Thị Diệu Na** | **GL-0291** | 22/08/1991 | 155/17 Đỗ Xuân Hợp, Phường Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk | |
| 294 | **Trần Ngọc Nam** | **GL-0292** | 15/05/1989 | 11 Bùi Cẩm Hổ, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai | |
| 295 | **Lê Thị Năm** | **GL-0293** | 04/02/1983 | Tổ 10, Phù Đổng, Pleiku, Gia Lai | |
| 296 | **Đới Thị Nga** | **GL-0294** | 24/06/1994 | 62A Nguyên Đường, phường Diên Hồng, Gia Lai | |
| 297 | **Dương Thị Nga** | **GL-0295** | 20/12/1992 | Tổ 6, Yên Thế, Thành phố Pleiku, Gia Lai | |
| 298 | **Huỳnh Thanh Nga** | **GL-0296** | 24/11/1995 | 272/22 đường Trường Chinh, Hội Phú, Gia Lai | |
| 299 | **Lê Thị Thanh Nga** | **GL-0297** | 08/04/1985 | Tổ dân phố 1, Chư Ty, Đức Cơ, Gia Lai | |
| 300 | **Lê Thị Thanh Nga** | **GL-0298** | 01/06/1992 | Tổ 7A, kp2, phường 2, Quảng Trị | |
| 301 | **Trần Thị Thuý Nga** | **GL-0299** | 01/07/2001 | Thôn Thanh Huy 1, xã Tuy Phước Tây, tỉnh Gia Lai | |
| 302 | **Ngô Thanh Ngà** | **GL-0300** | 30/06/1994 | Tổ 64 Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 303 | **Dương Thanh Ngân** | **GL-0301** | 13/03/1997 | Thôn Nghĩa An 1, xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai | |
| 304 | **Mai Trúc Ngân** | **GL-0302** | 08/12/2002 | An Long, Quế Phong, Quế Sơn, Quảng Nam | |
| 305 | **Nguyễn Thị Tuyết Ngân** | **GL-0303** | 25/01/2003 | Thôn Tân Hoà, Hành Tín Tây, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | |
| 306 | **Trần Thị Thùy Ngân** | **GL-0304** | 04/01/1993 | K478/3 Điện Biên Phủ, Tổ 11, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 307 | **Nguyễn Thị Ngọc Nghi** | **GL-0305** | 25/09/2000 | Thôn Mang Lùng 1, xã Ba Tô, tỉnh Quảng Ngãi | |
| 308 | **Đặng Văn Nghĩa** | **GL-0306** | 21/05/1988 | Tổ 17, Khu phố 55, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | |
| 309 | **Nguyễn Văn Nghĩa** | **GL-0307** | 14/07/1998 | Thuận Phong, Cát Lâm, Phù Cát, Gia Lai | |
| 310 | **Nguyễn Thế Nghiệp** | **GL-0308** | 28/04/1986 | 196 Bùi Vịnh, Tổ 2, Hòa Phát, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 311 | **Lê Thị Minh Ngộ** | **GL-0309** | 07/09/1988 | Thôn Mỹ Long xã Ngô Mây tỉnh Gia Lai | |
| 312 | **Nguyễn Thị Ngọc** | **GL-0310** | 03/05/1988 | Tổ 13, Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng | |
| 313 | **Nguyễn Thị Minh  Ngọc** | **GL-0311** | 16/04/1993 | Khu phố Luật Lễ, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai | |
| 314 | **Tống Thị Hồng Ngọc** | **GL-0312** | 20/11/1983 | 1118 Hùng Vương, Phường Nhơn Phú, tỉnh Gia Lai | |
| 315 | **Trần Bảo Ngọc** | **GL-0313** | 16/03/2002 | Tân Tuyền, Tân Mỹ, Quảng Trị | |
| 316 | **Trần Thanh Ngọc** | **GL-0314** | 20/11/1983 | Tổ 29 An Khê, Thanh Khê,  Đà Nẵng | |
| 317 | **Trương Thị Mỹ Ngọc** | **GL-0315** | 21/05/1991 | 204 Trần Phú, Phường Bình Định, Gia Lai | |
| 318 | **Lê Cao Nguyên** | **GL-0316** | 19/05/1991 | Số 40 Tuệ Tỉnh, Eakao, Đắk Lăk | |
| 319 | **Lương Thể Nguyên** | **GL-0317** | 04/07/1997 | Phường Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 320 | **Nguyễn Phúc Nguyên** | **GL-0318** | 01/01/1972 | 61 Trần Cao Văn, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai | |
| 321 | **Nguyễn Quang Nguyên** | **GL-0319** | 01/07/1987 | Phường Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 322 | **Phạm Nguyên** | **GL-0320** | 15/11/1988 | 6D/91/131 Trần Phú, Phường Thuận Hóa, Tp Huế | |
| 323 | **Trần Thị Khánh Nguyên** | **GL-0321** | 25/10/1993 | Tổ 25 Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 324 | **Phạm Thị Nguyệt** | **GL-0322** | 20/08/1993 | Thôn Trung Lập, xã Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị | |
| 325 | **Lê Thị Thanh Nhã** | **GL-0323** | 21/06/2002 | Quảng Xương, Hòa Vang, Đà Nẵng | |
| 326 | **Đoàn Thị Thành Nhân** | **GL-0324** | 06/11/1976 | 28/11 Trần Bình Trọng, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 327 | **Cao Qúi Nhất** | **GL-0325** | 01/10/1983 | An Thiện, Ân Phong, Hoài Ân, Bình Định | |
| 328 | **Nguyễn Xuân Nhất** | **GL-0326** | 29/04/1994 | Tổ 55, KP 7, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình ĐỊnh | |
| 329 | **Lê Minh Nhật** | **GL-0327** | 06/10/1999 | 01 Lê Văn Duyệt, Đà Nẵng | |
| 330 | **Phạm Văn Nhật** | **GL-0328** | 09/07/2001 | Thôn Qúy Hương, Bình Qúy, Thằng Bình, Quảng Nam | |
| 331 | **Trần Quang Nhật** | **GL-0329** | 11/06/1996 | Xóm 1 thôn Phú Hiệp, xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai | |
| 332 | **Hoàng Thị Tâm Nhi** | **GL-0330** | 09/05/2001 | 1/11 Nguyễn Phúc Thái, phường Kim Long, Thừa Thiên Huế | |
| 333 | **Lê Thị Quỳnh Nhi** | **GL-0331** | 28/06/1996 | Thôn Phước Thị, xã Gia Linh, Quảng Trị | |
| 334 | **Nguyễn Thị Bích Nhi** | **GL-0332** | 16/06/1988 | An Lạc Đông 1, xã Phù Mỹ, tỉnh Gia Lai | |
| 335 | **Nguyễn Thị Phương Nhi** | **GL-0333** | 22/11/1982 | Tổ dân phố 5, An Bình, phường Buôn Hồ | |
| 336 | **Nguyễn Thị Tuyết Nhi** | **GL-0334** | 13/10/1990 | 60K, Thân Nhân Trung, Tổ 36, KP8, Long Bình, Đồng Nai | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 337 | **Nguyễn Thị Yến Nhi** | **GL-0335** | 25/09/2002 | Tổ 44A Khu phố 30, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai | |
| 338 | **Đào Thị Nhiên** | **GL-0336** | 28/06/1993 | 95 Võ Nguyên Giáp, phường Hội Phú, Gia Lai | |
| 339 | **Vũ Thị Nhíp** | **GL-0337** | 20/05/1984 | Tổ 1, Phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | |
| 340 | **Nay H Nhoet** | **GL-0338** | 28/06/1993 | Buôn Kdruh A, Ea Nam, Đắk Lắk | |
| 341 | **Nguyễn Tấn Nhơn** | **GL-0339** | 10/05/1993 | Phường Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | |
| 342 | **Đặng Quang Như** | **GL-0340** | 25/12/1993 | Bình Hiệp, Bình Sơn, Quảng Ngãi | |
| 343 | **Đoàn Huỳnh Như** | **GL-0341** | 22/10/1986 | Thôn 2, xã Đắk Đoa, Gia Lai | |
| 344 | **Huỳnh Thị Quỳnh Như** | **GL-0342** | 14/10/1995 | Thôn Quế Chữ, Lộc Điền, Phú Lộc, Huế | |
| 345 | **Ngô Thị Quỳnh  Như** | **GL-0343** | 20/12/1993 | Tổ 10, Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 346 | **Ngô Thị Quỳnh Như** | **GL-0344** | 06/08/1984 | 19 Hai Bà Trưng, tổ 2, Diên Hồng, Pleiku, Gia Lai | |
| 347 | **Lê Thị Hoài Nhung** | **GL-0345** | 13/12/1981 | Tổ 22 Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 348 | **Lương Thị Nhung** | **GL-0346** | 12/11/1994 | Thôn Ngọc Quỳnh, Quỳnh Anh, Nghệ An | |
| 349 | **Nguyễn Thị Thùy Nhung** | **GL-0347** | 03/02/1993 | Tổ 6 Hoà Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng | |
| 350 | **Nguyễn Thị Tuyết Nhung** | **GL-0348** | 21/07/1999 | TDP Bình Thành 1, Phường Cư Bao, Tỉnh Đăk Lăk | |
| 351 | **Trần Thị Nhung** | **GL-0349** | 25/10/1987 | Vạn Đức, Gia Lai | |
| 352 | **Trương Minh Nhung** | **GL-0350** | 11/09/1994 | La Tháp Đông, Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam | |
| 353 | **Nguyễn Thị Quỳnh Ni** | **GL-0351** | 11/09/1992 | K187/10 Tiểu La, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 354 | **Đoàn Thị Kim  Nở** | **GL-0352** | 01/02/1996 | Block NOXH An Phú Thịnh, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 355 | **Trần Thị Non** | **GL-0353** | 04/06/1990 | Thôn 8 Tây Phú Mỹ Đông, Gia Lai | |
| 356 | **Đỗ Thị Tố Nữ** | **GL-0354** | 14/10/1986 | Tổ dân phố 5, thị trấn Đak Đoa, Đak Đoa, Gia Lai | |
| 357 | **Lê Phạm Thị Mỹ Nương** | **GL-0355** | 10/08/1992 | Thôn Châm Prông, xã Ia Băng, Gia Lai | |
| 358 | **Võ Thị Hằng Ny** | **GL-0356** | 18/04/1994 | 146/13 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 9, Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi | |
| 359 | **Đặng Thị Kim Oanh** | **GL-0357** | 29/11/1992 | Thôn 9, Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk | |
| 360 | **Nguyễn Thế Đức Phát** | **GL-0358** | 11/05/1987 | Tổ 42, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 361 | **Trần Anh Phi** | **GL-0359** | 17/12/1991 | Thôn Vĩnh Phú 8, Mỹ Tài, Phú Mỹ, Bình ĐỊnh | |
| 362 | **Đào Duy Phong** | **GL-0360** | 09/11/1987 | Tổ 1, An Tân, An Khê, Gia Lai | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 363 | **Ma Seo Phong** | **GL-0361** | 12/02/1989 | Thôn Yang San, Ea ô, Đắk Lắk | |
| 364 | **Nguyễn Hoàng Phú** | **GL-0362** | 14/06/1993 | Thôn Bình An, xã Chân Mây Lăng Cô, Huế | |
| 365 | **Nguyễn Hữu Phú** | **GL-0363** | 20/01/1988 | Phường Diên Hồng, Gia Lai | |
| 366 | **Nguyễn Huỳnh Linh Phú** | **GL-0364** | 25/10/1993 | 76 Lê Duẫn, Khu phố 4, xã Ninh Sơn, Khánh Hòa | |
| 367 | **Trương Nhơn Phú** | **GL-0365** | 20/06/1990 | Vĩnh Hòa, Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định | |
| 368 | **Đặng Minh Phúc** | **GL-0366** | 10/11/1993 | Thôn 3, xã Đak Đoa, Gia Lai | |
| 369 | **Nguyễn Hoàng Phúc** | **GL-0367** | 23/07/1997 | Thôn Trà Giang 1, Lương Sơn, Ninh Sơn, Ninh Thuận | |
| 370 | **Huỳnh Thị Bích Phụng** | **GL-0368** | 28/08/1990 | 02 Ông Ích Khiêm, Tân An, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk | |
| 371 | **Lưu Kim Phụng** | **GL-0369** | 17/08/1998 | Phú Hương, Hà Nha, Đà Nẵng | |
| 372 | **Nguyễn Thị Phước** | **GL-0370** | 10/07/2003 | Phù Cát, Gia Lai | |
| 373 | **Phạm Thị Hoài Phước** | **GL-0371** | 15/04/1986 | Thôn 6, Draybhang, Đắk Lăk | |
| 374 | **Hà Bích Mai Phương** | **GL-0372** | 24/02/1990 | Tổ 4 Thắng Lợi, Pleiku, Gia Lai | |
| 375 | **Lê Thị Thu Phương** | **GL-0373** | 18/08/2001 | Thôn Ea Plai, Cư Né, Krông Búk, Đắk Lắk | |
| 376 | **Nguyễn Thị  Phương** | **GL-0374** | 09/09/1996 | Thôn Đồng Bửa-Thanh Quang-Thanh Hà -Hải Dương | |
| 377 | **Trần Thị Thu Phương** | **GL-0375** | 14/05/2003 | Duy Xuyên, Quảng Nam | |
| 378 | **Bùi Ngọc Phượng** | **GL-0376** | 20/07/1993 | Tổ 1, Ia Kring, Pleiku, Gia Lai | |
| 379 | **Lê Kim Phượng** | **GL-0377** | 11/06/1993 | Tổ 42, Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 380 | **Trần Thị Mỹ Phượng** | **GL-0378** | 09/11/2004 | Vinh Quang 2, Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định | |
| 381 | **Võ Thị Út Phượng** | **GL-0379** | 10/01/2000 | Tổ 7, Thôn Phước Long, xã Thăng An, TP. Đà Nẵng | |
| 382 | **Đặng Thị Phượng** | **GL-0380** | 25/05/1996 | Tổ 8 Châu Sơn Đông, Quế Sơn, Đà Nẵng | |
| 383 | **Hồ Trọng Quân** | **GL-0381** | 01/03/1999 | Tổ 6, Phường An Phú, Tỉnh Gia Lai | |
| 384 | **Trần Vũ  Quân** | **GL-0382** | 01/04/1984 | 25/1 Phan Đình Phùng, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 385 | **Trần Xuân Quân** | **GL-0383** | 17/10/1992 | Tiểu Đoàn 1, E20 Chi Lăng, TP Pleiku, Gia Lai | |
| 386 | **Đỗ Hồng Quang** | **GL-0384** | 04/01/1979 | Tổ 1, phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai | |
| 387 | **Lê Thanh Quang** | **GL-0385** | 17/09/1996 | KP4, Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam | |
| 388 | **Lê Vĩnh Quang** | **GL-0386** | 02/07/1993 | Thôn Song Bình, Đại Quang, Đại Lộc, Quảng Nam | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 389 | **Mai Xuân Quang** | **GL-0387** | 10/12/1994 | Thôn Phường 2, Vĩnh Hà, Phú Vang, Thừa Thiên Huế | |
| 390 | **Nguyễn Đăng Quang** | **GL-0388** | 13/10/1993 | Thôn Bình Minh 1, Buôn Hồ, Đắk Lắk | |
| 391 | **Nguyễn Thành Quí** | **GL-0389** | 26/02/1986 | Thôn An Hòa, xã Ya Hội, tỉnh Gia Lai | |
| 392 | **Nguyễn Trọng Quí** | **GL-0390** | 22/10/1994 | Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 393 | **Phạm Văn Quốc** | **GL-0391** | 24/08/1996 | Hà Dục Đông, Đãi Lãnh, Đại Lộc, Quảng Nam | |
| 394 | **Nguyễn Thái Quý** | **GL-0392** | 14/06/2005 | Thôn An Hòa, xã Ya Hội, tỉnh Gia Lai | |
| 395 | **Trịnh Xuân Qúy** | **GL-0393** | 03/05/1993 | 105/27/5 Ngô Đức Kế, Tổ 11, KP 4, Tam Thắng, Hồ Chí Minh | |
| 396 | **Phạm Thị Diệu Quyên** | **GL-0394** | 11/01/1990 | Phước Thái, Đồng Nai | |
| 397 | **Vũ Thị Linh Quyên** | **GL-0395** | 02/06/1993 | Thôn 4 An Phú, Pleiku, Gia Lai | |
| 398 | **Hoàng Thị Quỳnh** | **GL-0396** | 11/08/1992 | 3/5 Đặng Nguyên Cẩn, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk | |
| 399 | **Nguyễn Ngọc Khánh Quỳnh** | **GL-0397** | 05/07/1986 | K115/18B Ông Ích Khiêm, Thanh Bình, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 400 | **Nguyễn Thị Thy Quỳnh** | **GL-0398** | 03/02/1992 | Tổ 64, KV8, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 401 | **Phan Thị Như Quỳnh** | **GL-0399** | 07/07/1996 | Hòa Nhơn, Hòa Vang, Đà Nẵng | |
| 402 | **Đoàn Thanh Sang** | **GL-0400** | 22/05/1993 | Thôn Hòa Mỹ, Quế Xuân 2, Quế Sơn, Quảng Nam | |
| 403 | **Lâm Thanh Sang** | **GL-0401** | 24/11/1990 | Phường An Nhơn, Gia Lai | |
| 404 | **Trần Ngọc Sang** | **GL-0402** | 27/01/1998 | 08/378 Đinh Tiên Hoàng, Thuận Lộc, Huế | |
| 405 | **Huỳnh Thị Hoa Sen** | **GL-0403** | 20/12/1991 | Định Nhất, VĨnh Hảo, Vĩnh Thạch, Bình ĐỊnh | |
| 406 | **Nguyễn Thị Sen** | **GL-0404** | 10/01/1991 | Thôn 3, Biển Hồ, Pleiku, Gia Lai | |
| 407 | **Đoàn Văn Sơn** | **GL-0405** | 17/05/1990 | Thôn 3, Trà Đa, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | |
| 408 | **Dương Thái Sơn** | **GL-0406** | 02/11/1996 | Tổ dân phố 10, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 409 | **Nguyễn Ngọc Sơn** | **GL-0407** | 01/11/1994 | xã Quế Sơn Trung, thành phố Đà Nẵng | |
| 410 | **Phạm Thế Sơn** | **GL-0408** | 20/03/1969 | 91 ngõ 100 phố Nguyễn Văn Viên, phường Vĩnh Hưng, Hà Nội | |
| 411 | **Phan Thái Sơn** | **GL-0409** | 16/10/1983 | 77 Thống Nhất, tổ 3, Ia Kring, pleiku, Gia Lai | |
| 412 | **Trần Minh  Sơn** | **GL-0410** | 13/03/1988 | Tổ 32, Khu phố 9, Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 413 | **Nguyễn Vũ  Song** | **GL-0411** | 03/02/1984 | 271 Võ Văn Dũng, Dương Liễu Tây, xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai | |
| 414 | **Phạm Thành Sự** | **GL-0412** | 08/06/1967 | Số 92 Thủ Khoa Huân, An Hải Đông, Sơn Trà, Đà Nẵng | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 415 | **Nguyễn Thị  Sương** | **GL-0413** | 24/07/1990 | Khối 5, Núi Thành, TP Đà Nẵng | |
| 416 | **Phạm Thị Thu Sương** | **GL-0414** | 28/01/1995 | Lạc Thiên, Gia Lạc, Cát Minh, Phù Cát, Bình Định | |
| 417 | **Trần Đình Sỹ** | **GL-0415** | 27/06/1986 | lô 988 ô 20 hòn rớ , Nam nha trang, Khánh hoà | |
| 418 | **Dương Tấn Tài** | **GL-0416** | 17/10/1995 | Tổ 20, HTĐ, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 419 | **Trịnh Quốc Tài** | **GL-0417** | 23/09/1992 | Thôn Ia Mua, Bàu Cạn, Chư Prong, Gia Lai | |
| 420 | **Hồ Thanh Tâm** | **GL-0418** | 13/10/2001 | 154 Võ Nguyên Giáp, TT Trà My, Bắc Trà My, Quảng Nam | |
| 421 | **Lương Thị Tâm** | **GL-0419** | 22/09/1992 | Thôn Mỹ Thạch 2, Chư Sê, Gia Lai | |
| 422 | **Nguyễn Đức Tâm** | **GL-0420** | 30/09/1988 | Tổ dân phố Phi Hiển, Đức Phổ, Quảng Ngãi | |
| 423 | **Nguyễn Thị Mỹ Tâm** | **GL-0421** | 20/05/1981 | Thôn 8, xã Ea Drăng, tỉnh Đăk lăk | |
| 424 | **Nguyễn Thị Thanh Tâm** | **GL-0422** | 27/08/1994 | Thôn 1, Phường Eakao, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 425 | **Tôn Hữu Chí Tâm** | **GL-0423** | 28/12/1997 | Thiện Đức Bắc, Hoài Thương, TX Hoài Nhơn, Bình Định | |
| 426 | **Trần Thị Tâm** | **GL-0424** | 11/03/1995 | Tổ dân phố 9, phường tự an , buôn mê thuột đaklak | |
| 427 | **Võ Thị Hà Tâm** | **GL-0425** | 12/12/1996 | Thôn Lạc Điền, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai | |
| 428 | **Hoàng Đăng Tân** | **GL-0426** | 06/09/2004 | Thôn Trung Kiều, Quảng Thái, Quảng Điền, Huế | |
| 429 | **Huỳnh Chí  Tân** | **GL-0427** | 27/01/1994 | Thôn Thuận Truyền, xã Bình Hiệp, Gia Lai | |
| 430 | **Ngô Quốc  Tân** | **GL-0428** | 16/02/1993 | Chung cư Ecolife Riverside, Phường Quy Nhơn Đông, Tỉnh Gia Lai | |
| 431 | **Nguyễn Phan Nhật Tân** | **GL-0429** | 14/02/1992 | Tổ 2, Ngọc Thành, Cẩm Phổ, Hội An, Quảng Nam | |
| 432 | **Trần Thanh  Tân** | **GL-0430** | 09/05/1989 | 07 An Nhơn 11, Phường An Hải, Tp Đà Nẵng | |
| 433 | **Trương Bửu Tân** | **GL-0431** | 27/05/1989 | 38 Bùi Thị Xuân, Tự An, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk | |
| 434 | **Đặng Văn Tấn** | **GL-0432** | 10/07/1995 | Thôn Lộc Thái, Mỹ Châu, Phú Mỹ, Bình Định | |
| 435 | **Bùi Văn Tây** | **GL-0433** | 26/08/1992 | Thôn Quảng Vân, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai | |
| 436 | **Võ Văn Thạch** | **GL-0434** | 29/08/1995 | Tổ dân phố 5, thị trấn Đak Đoa, Đak Đoa. | |
| 437 | **Hồ Thị Thái** | **GL-0435** | 19/08/1986 | Thôn Liên Sơn, Mai Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình | |
| 438 | **Trần Quang Thái** | **GL-0436** | 14/08/1991 | 85 Nayder, phường Pleiku, Gia Lai | |
| 439 | **Nguyễn Thị Hồng Thắm** | **GL-0437** | 24/11/2002 | Cảnh Phước, Hòa Tân Đông, Đắk Lắk | |
| 440 | **Đặng Thị Hồng Thắm** | **GL-0438** | 08/01/1980 | 29 Hàn Mặc Tử, thôn Dương Liễu Tây, xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 441 | **Nguyễn Hồng Thắm** | **GL-0439** | 29/10/2004 | Xã Bình An, Gia Lai | |
| 442 | **Trương Thị Thắm** | **GL-0440** | 08/05/2001 | TDP Dũng Cảm, thị trấn NT Việt Trung, Quảng Bình | |
| 443 | **Hoàng Việt Thắng** | **GL-0441** | 06/03/1998 | 42 Nguyễn Thị Định, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | |
| 444 | **Nguyễn Văn Thắng** | **GL-0442** | 09/04/1986 | Thôn Thành Long, Cẩm Thạch, Thanh Hóa | |
| 445 | **Hoàng Thị Thanh** | **GL-0443** | 02/10/1998 | Nam Minh Lệ, Quảng Minh, Ba Đồn, Quảng Bình | |
| 446 | **Nguyễn Cao Thanh** | **GL-0444** | 20/08/1992 | xóm 1, xã Phúc Trạch, tỉnh Hà Tĩnh | |
| 447 | **Nguyễn Chí Thanh** | **GL-0445** | 26/07/1992 | Thôn 5, Ea Đar, Ea Kar, Đắk Lắ k | |
| 448 | **Nguyễn Thị Hải Thanh** | **GL-0446** | 08/11/1966 | 158 lê Gia Đỉnh, Phố Huế, Hai bà Trưng, Hà Nội | |
| 449 | **Nguyễn Thị Hồng Thanh** | **GL-0447** | 22/04/1991 | 75 Đinh Công Tráng, Thuận Phước, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 450 | **Trần Thị Hoài Thanh** | **GL-0448** | 10/02/2004 | Thôn Lộc Hạ, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Trị | |
| 451 | **Triệu Phúc Thanh** | **GL-0449** | 12/09/1988 | Lơ Pơ, Chư Kreey, Gia Lai | |
| 452 | **Đặng Thống Thành** | **GL-0450** | 17/03/1994 | Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 453 | **Hồ Ngọc Thành** | **GL-0451** | 05/04/1998 | Hội An Tây. Đà Nẵng | |
| 454 | **Phan Thành** | **GL-0452** | 08/02/1985 | 403/8 Lê Duẩn, tổ 3, Thắng Lợi, Pleku, Gia Lai | |
| 455 | **Trần Viết Thành** | **GL-0453** | 19/09/2001 | Tổ 40, Hòa An, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 456 | **Phạm Quốc Thạnh** | **GL-0454** | 05/09/1979 | 14 Tầng 2 lô C Chung cư 212 Nguyễn Trãi, Khu phố 3, Phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh | |
| 457 | **Nguyễn Văn Thao** | **GL-0455** | 13/11/1996 | Thôn Lý Chánh, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 458 | **Đặng Thị Thu Thảo** | **GL-0456** | 16/04/1982 | Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi | |
| 459 | **Lê Thị Tuyết Thảo** | **GL-0457** | 19/02/1994 | 365 Urê, phường Kon Tum, Quảng Ngãi | |
| 460 | **Phạm Thị Thảo** | **GL-0458** | 07/02/1991 | Xã Quế Phước, thành phố Đà Nẵng | |
| 461 | **Trần Thị Thu Thảo** | **GL-0459** | 25/08/1989 | Thôn Vị Thủy, Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội | |
| 462 | **Dương Thái Thế** | **GL-0460** | 02/08/1983 | Tổ 4, An Bình, An Khê, Gia Lai | |
| 463 | **Đinh Thị Kim Thi** | **GL-0461** | 24/05/1996 | 40 Phan Huy Ích, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai | |
| 464 | **Nguyễn Thị Kiều Thi** | **GL-0462** | 16/11/1979 | 13/12 Chu Văn An, Tổ 5, P. Pleiku, Gia Lai | |
| 465 | **Nguyễn Thị Thu Thi** | **GL-0463** | 11/12/1997 | Tổ 2, Khu phố 9, Phường Tam Quan, Tỉnh Gia Lai | |
| 466 | **Trần Thị Thì** | **GL-0464** | 13/11/1988 | Khu phố Trà Quang Bắc, Phú Mỹ, Gia Lai | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 467 | **Đinh Tùng Thiện** | **GL-0465** | 05/04/1992 | Thôn Chánh Định, Xã Ngô Mây, Tỉnh Gia Lai | |
| 468 | **Nguyễn Ngọc Thiện** | **GL-0466** | 09/03/1988 | 125/85 Lê Văn Duyệt, Gia Định, Hồ Chí Minh | |
| 469 | **Tống Minh Thiện** | **GL-0467** | 14/08/1997 | Thôn Phú Sơn, xã Nghĩa Giang, Quảng Ngãi | |
| 470 | **Trần Văn Thiện** | **GL-0468** | 15/04/1996 | Xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị | |
| 471 | **Trương Văn Thiện** | **GL-0469** | 10/02/1988 | Xã Phú Hồ, Thành phố Huế | |
| 472 | **Trần Quốc Thịnh** | **GL-0470** | 26/09/1998 | H35/38B K266 Hoàng Diệu, tổ 13 Bình Hiên, Đà Nẵng | |
| 473 | **Trương Thị Thọ** | **GL-0471** | 18/05/1976 | Thôn 5, An Phú, Peliku, Gia Lai | |
| 474 | **Nguyễn Thị Thoa** | **GL-0472** | 10/01/1988 | 211/38 Phạm Văn Đồng, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 475 | **Nguyễn Thị Minh Thoa** | **GL-0473** | 23/02/2000 | Khu phố An Hành Tây, Ngô Mây, Bình Định | |
| 476 | **Vũ Ngọc Thoại** | **GL-0474** | 18/07/1992 | 03 Nguyễn Đình Thụ, Phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai | |
| 477 | **Trần Thị Hồng Thoan** | **GL-0475** | 28/09/1983 | Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi | |
| 478 | **Nguyễn Thị Bích Thơm** | **GL-0476** | 28/04/1993 | Buôn earong B, Buôn Đôn, Đăk Lăk | |
| 479 | **Đỗ Minh Thu** | **GL-0477** | 22/10/1972 | Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi | |
| 480 | **Nguyễn Hoài Thu** | **GL-0478** | 01/01/1991 | Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng | |
| 481 | **Nguyễn Thị  Thu** | **GL-0479** | 07/01/1992 | Thôn Hàm Rồng, Ia Băng, Đak Đoa, Gia Lai | |
| 482 | **Văn Thị Kim Thu** | **GL-0480** | 19/06/1994 | Tổ 3, phường Đăk Cấm, Quãng Ngãi | |
| 483 | **Võ Thị Cẩm Thu** | **GL-0481** | 23/10/1992 | Vĩnh Thạnh 2, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai | |
| 484 | **Nguyễn Thị Minh Thư** | **GL-0482** | 17/10/1990 | 275/7 Nguyễn Thái Học, P.Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 485 | **Nguyễn Văn Thuần** | **GL-0483** | 15/01/1996 | 01 Nguyễn huy Tự, p. Buôn Hồ, Đăk Lăk | |
| 486 | **Nguyễn Văn  Thuẩn** | **GL-0484** | 22/02/1998 | Dương Lâm 2, Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng | |
| 487 | **Đinh Quốc Thuận** | **GL-0485** | 10/03/1993 | Tổ 7, Diên Hồng, Gia Lai | |
| 488 | **Hà Văn Thuận** | **GL-0486** | 25/05/1992 | TDP La Chữ Nam, Hương Chữ, Huế | |
| 489 | **Trần Minh Thuận** | **GL-0487** | 12/09/1985 | Thôn 3, Xã Biển Hồ, Tỉnh Gia Lai | |
| 490 | **Đoàn Nghệ Thuật** | **GL-0488** | 08/07/1996 | Phường Hoà Xuân, Đà Nẵng | |
| 491 | **Bùi Thị Thương** | **GL-0489** | 29/10/1989 | Đa Phú, Hưng Hà, Hưng Yên | |
| 492 | **Hồ Thị Hoài Thương** | **GL-0490** | 26/04/1990 | Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 493 | **Lê Đỗ Hoài Thương** | **GL-0491** | 20/03/2002 | Tổ A1, KP 1, Đống Đa, TP Quy Nhơn, Bình Định | |
| 494 | **Phạm Thị Phúc Thương** | **GL-0492** | 06/08/1989 | Trường Thọ Tây, Trương Quang Trọng, Tp Quảng Ngãi | |
| 495 | **Phạm Thị Thu Thương** | **GL-0493** | 27/11/1989 | Tổ 82, Hòa Khánh Bắc, Đà Nẵng | |
| 496 | **Lê Thị Thanh  Thuý** | **GL-0494** | 16/09/1991 | An Thượng 3. Cửu An, Gia Lai | |
| 497 | **Nguyễn Thị Thuý** | **GL-0495** | 06/05/1991 | Thôn 16, xã Ea Nuôl, tỉnh Đăk Lăk | |
| 498 | **Bùi Thị Bích Thuỷ** | **GL-0496** | 01/08/1987 | thôn Vạn An, xã Phù Mỹ Bắc, tỉnh Gia Lai | |
| 499 | **Hồ Thị Thuỷ** | **GL-0497** | 14/12/1974 | Thôn 1B, Xã Ea Drang, Đắk Lắk | |
| 500 | **Trần Thị Thu Thuỷ** | **GL-0498** | 21/03/1993 | Xã Phú Lộc, Thành phố Huế | |
| 501 | **Hạ Ngọc  Thúy** | **GL-0499** | 03/08/1997 | Thôn Hòa Lộc, xã Chư Pưh, Gia Lai | |
| 502 | **Trần Thị Thanh Thúy** | **GL-0500** | 05/10/1983 | Tổ 5, Tây Sơn, Pleiku, Gia Lai | |
| 503 | **Trần Thị Thu Thúy** | **GL-0501** | 25/10/1992 | Trung Hậu, Mỹ Chánh Tây, Bình Định | |
| 504 | **Nguyễn Thị Bích Thùy** | **GL-0502** | 12/12/1994 | Mậu Cả, Trà My, Bắc Trà My, Quảng Nam | |
| 505 | **Hồ Thị Như Thủy** | **GL-0503** | 07/02/1992 | Nguyễn Đình Chiểu, Pleiku, Gia Lai | |
| 506 | **Ngô Thị Kim Thủy** | **GL-0504** | 14/05/1983 | Tổ 11, Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai | |
| 507 | **Nguyễn Thị Phúc Thủy** | **GL-0505** | 01/08/1984 | Tổ 1, Trà Bá, Pleiku, Gia Lai | |
| 508 | **Phạm Thị Thu Thủy** | **GL-0506** | 16/06/1986 | Hẻm 40/4 Huỳnh Thúc Kháng, Tổ 3, Yên Đỗ, Pleiku, Gia Lai | |
| 509 | **Trần Thị Bích Thủy** | **GL-0507** | 05/06/1993 | Tổ 47, phường Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | |
| 510 | **Trần Thị Thu Thủy** | **GL-0508** | 25/06/1986 | Tổ 2, phường Trà Bá, Pleiku, Gia Lai | |
| 511 | **Văn Thị Thu Thủy** | **GL-0509** | 03/02/1990 | Thôn Đoàn Kết, Ea Kmút, Ea Kar, Đắk Lắk | |
| 512 | **Trần Thị Thuyết** | **GL-0510** | 02/01/1993 | Thôn Cam Lộ, Thanh An, Cam Lộ, Quảng Trị | |
| 513 | **Huỳnh Tấn Tiến** | **GL-0511** | 20/10/1995 | Thôn Tân Hiệp, xã Trà My, thành phố Đà Nẵng | |
| 514 | **Trương Anh Tiến** | **GL-0512** | 26/11/1990 | 98/8/4 Lê Lợi, TP Quy Nhơn, Bình Định | |
| 515 | **Võ Trung Tín** | **GL-0513** | 03/06/1994 | Thôn Chánh Danh, xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai | |
| 516 | **Nguyễn Thị Thúy Tình** | **GL-0514** | 05/09/1999 | xóm 2, thôn Tân An, Phường Tam Quan, Gia Lai | |
| 517 | **Nguyễn Cảnh Toàn** | **GL-0515** | 19/09/1994 | Làng Jut 2, Ia Dêr, Ia Grai,Gia Lai | |
| 518 | **Phạm Nguyễn Phước Toàn** | **GL-0516** | 27/07/1989 | K21/4 Đào Duy Từ, Thanh Khê, Đà Nẵng | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 519 | **Phan Văn Toàn** | **GL-0517** | 02/11/1992 | TDP Thái Thuận, Phường Bình Định, Gia Lai | |
| 520 | **Huỳnh Thị Ngọc Trâm** | **GL-0518** | 26/03/1993 | 62 Trần Phú, TDP 7, Ea H'leo, Đắk Lắk | |
| 521 | **Trần Thị Huyền Trâm** | **GL-0519** | 07/10/1985 | 172/10 Lê Đình Dương, Hải Châu 2, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 522 | **Nguyễn Thị Trang** | **GL-0520** | 21/07/1994 | Nguyễn Thị Minh Khai, Krông Pắc, Đắk Lắk | |
| 523 | **Nguyễn Thị Trang** | **GL-0521** | 24/07/1991 | Eaknec, Đắk Lăk | |
| 524 | **Nguyễn Thị Huyền Trang** | **GL-0522** | 01/03/2000 | Tổ 4, Thôn Cang Đông, Xã Quế Sơn Trung, TP. Đà Nẵng | |
| 525 | **Nguyễn Thị Thùy Trang** | **GL-0523** | 02/05/1991 | Thôn Tân An, Ia Hrung, Gia Lai | |
| 526 | **Phạm Thị Ngọc  Trang** | **GL-0524** | 08/09/1997 | Thôn Vĩnh Trung, Cam An Nam, Cam Lanh, Khánh Hòa | |
| 527 | **Phan Kiều Trang** | **GL-0525** | 12/10/1990 | 35 ngõ 1104 Đường La Thành, Ngọc Khánh, Hà Nội | |
| 528 | **Trần Thị Thùy Trang** | **GL-0526** | 15/02/1997 | 11 Nhân Hòa 4, phường Hòa Xuân, Đà Nẵng | |
| 529 | **Trần Thị Thùy Trang** | **GL-0527** | 27/01/1988 | 17 võ an ninh phường Hoà Xuân - tp Đà Nẵng | |
| 530 | **Võ Thị Mỹ Trang** | **GL-0528** | 24/03/1985 | Hội Phú, Pleiku, tỉnh Gia Lai | |
| 531 | **Huỳnh Trọng Tráng** | **GL-0529** | 17/04/1981 | Thôn Lam Sơn, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà | |
| 532 | **Nguyễn Đình Trí** | **GL-0530** | 15/09/2002 | Làng Bi De, Ia Krai, Ia Grai, Gia Lai | |
| 533 | **Nguyễn Hữu  Trí** | **GL-0531** | 20/02/1996 | An Quang, Đề Gi, Gia Lai | |
| 534 | **Phạm Nguyễn Minh Trí** | **GL-0532** | 30/11/1995 | K408/H43/04 Trưng Nữ Vương, Hòa Cường, Đà Nẵng | |
| 535 | **Nguyễn Thị Lan Trinh** | **GL-0533** | 09/02/1997 | Buôn Ma Thuột, Đắk Lăk | |
| 536 | **Võ Thị Trinh** | **GL-0534** | 12/12/1999 | Xã Đề Gi, Tỉnh Gia Lai | |
| 537 | **Phan Công Trình** | **GL-0535** | 27/02/1992 | Tổ 46, khu phố 9, Quy Nhơn, Gia Lai | |
| 538 | **Trần Minh Trọng** | **GL-0536** | 06/01/1995 | Tổ 7 Trà Bá, Thành phố Pleiku, Gia Lai | |
| 539 | **Kiều Phương Trúc** | **GL-0537** | 17/05/2003 | Trà Quang Nam, Thị trấn Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định | |
| 540 | **Nguyễn Minh Trung** | **GL-0538** | 12/12/1980 | TDP Liêm Định,phường an nhơn bắc, tỉnh gia lai | |
| 541 | **Võ Văn Trung** | **GL-0539** | 10/07/1991 | Tổ 16, Thôn Đại Lộc, xã Quế Sơn, Thành phố Đà Nẵng | |
| 542 | **Trần Quang Trường** | **GL-0540** | 10/10/1997 | Thôn Phú Lộc Bắc, xã Sơn Tịnh, Quảng Ngãi | |
| 543 | **Nguyễn Phạm Anh Tú** | **GL-0541** | 12/01/1990 | K235/34 Ông Ích Khiêm, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 544 | **Triệu Thị  Tú** | **GL-0542** | 08/07/2001 | Xã KBang, tỉnh Gia Lai | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 545 | **Võ Văn Tú** | **GL-0543** | 29/03/1986 | Kp Bình Đường 3, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh | |
| 546 | **Trần Đình Tuân** | **GL-0544** | 19/07/1975 | TDP 4 Phường Khánh Xuân, Thành phố Buôn Ma Thuột | |
| 547 | **Bùi Văn Tuấn** | **GL-0545** | 12/06/1990 | TDP 5, Xuân Phương, Hà Nội | |
| 548 | **Đỗ Anh Tuấn** | **GL-0546** | 08/12/1988 | 106/71 Phạm Như Tăng,, Đà Nẵng | |
| 549 | **Lê Duy Tuấn** | **GL-0547** | 12/11/1992 | Tổ 6, khu phố 7, P.Trần Quang Diệu, Quy Nhơn - Bình Định | |
| 550 | **Mai Văn Tuấn** | **GL-0548** | 08/12/1998 | Thôn Thắng Lợi 3, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | |
| 551 | **Nguyễn Anh Tuấn** | **GL-0549** | 26/12/1978 | 136 Đỗ Qùy, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 552 | **Võ Thị Châu  Tuấn** | **GL-0550** | 22/04/1982 | Tổ 2, KV 3, P Quy Nhơn, Gia Lai | |
| 553 | **Bùi Sơn Tùng** | **GL-0551** | 19/11/1993 | 34A Pi Năng Tăc, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 554 | **Đặng Thanh Tùng** | **GL-0552** | 18/12/1994 | Xóm Bùng Điện Hòa, Điện Bàn, Quảng Nam | |
| 555 | **Đoàn Ngọc Tùng** | **GL-0553** | 14/08/1990 | Công Chánh, thị trấn Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định | |
| 556 | **Lưu Văn Tùng** | **GL-0554** | 15/12/1990 | Cẩm Lệ, Đà Nẵng | |
| 557 | **Nguyễn Thanh  Tùng** | **GL-0555** | 14/01/1993 | 220/29 Nguyễn Thái Học, Phường Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định | |
| 558 | **Nguyễn Thị Tươi** | **GL-0556** | 01/05/1991 | Thôn 3, Biển Hồ, Pleiku, Gia Lai | |
| 559 | **Hoàng Như Tường** | **GL-0557** | 02/02/1989 | Tổ dân phố số 7, xã Phú Lộc, Thành phố Huế | |
| 560 | **Dương Minh Tuyên** | **GL-0558** | 20/06/1992 | Thôn 1, xã Eakly, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk | |
| 561 | **Phạm Văn Tuyên** | **GL-0559** | 26/01/1994 | Hùng Tiến 3, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình | |
| 562 | **Nguyễn Thị Tuyến** | **GL-0560** | 29/08/1995 | Thôn 9, Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk | |
| 563 | **Nguyễn Công Tuyền** | **GL-0561** | 12/09/1992 | Thôn 4, An Nội, Bình Lục, Hà Nam | |
| 564 | **Nguyễn Hồ Băng Tuyết** | **GL-0562** | 18/07/2000 | Phường Quy Nhơn Tây, Gia Lai | |
| 565 | **Nguyễn Viết Ước** | **GL-0563** | 07/09/1979 | Thôn đoàn kết xã dlieya, Đắk lăk | |
| 566 | **Lê Thị Út** | **GL-0564** | 08/09/1991 | Tổ dân phố số 7, TT Chư Sê, Gia Lai | |
| 567 | **Trình Văn Út** | **GL-0565** | 10/10/1992 | xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai | |
| 568 | **Ayun Thanh Na Uy** | **GL-0566** | 01/03/1982 | 229/36 Đỗ Xuân Hợp, Tổ dân phố 6, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 569 | **Dương Quỳnh Uyên** | **GL-0567** | 01/07/2002 | Thôn 4, xã Xuân Lộc, Tỉnh Đắk Lắk | |
| 570 | **Ngô Thị Kim Uyên** | **GL-0568** | 09/10/1984 | Thôn Gò Sắn, Nam Ninh Hoà, Khánh Hoà | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 571 | **Trần Thị Như Uyên** | **GL-0569** | 01/11/1982 | Tổ 3, Hội Phú, Pleiku, Gia Lai | |
| 572 | **Lê Thị Thảo Uyên** | **GL-0570** | 22/06/2000 | K186/H37/17 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, Đà Nẵng | |
| 573 | **Nguyễn Thị Vân** | **GL-0571** | 07/01/1983 | 21 Nguyễn Phi Khanh, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk | |
| 574 | **Nguyễn Thị Vân** | **GL-0572** | 08/01/1990 | Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | |
| 575 | **Phạm Thị Bích Vân** | **GL-0573** | 12/07/1985 | 37 Trần Nhân Tông, Kon Tum, Quảng Ngãi | |
| 576 | **Lê Anh Văn** | **GL-0574** | 19/08/1991 | Xóm 10, Thôn Lục Lễ, xã Tuy Phước Bắc, Gia Lai | |
| 577 | **Lê Đình Văn** | **GL-0575** | 06/01/1993 | Thôn Tân Thắng , xã Cát Tiến, Tỉnh Gia Lai | |
| 578 | **Hoàng Thị Hồng Vi** | **GL-0576** | 11/01/1981 | Tổ Dân phố 7, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | |
| 579 | **Bùi Thị Tùng Vi** | **GL-0577** | 15/02/1988 | 20-22 Đa Phước 1, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 580 | **Nguyễn Thị Tường  Vi** | **GL-0578** | 18/04/1982 | THÔN CHÁNH NHƠN,XÃ XUÂN AN,TỈNH GIA LAI | |
| 581 | **Võ Minh Viên** | **GL-0579** | 06/07/1991 | K35/11 Trưng Nhị, Hòa Cường, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 582 | **Phan Xuân  Viễn** | **GL-0580** | 27/07/1983 | Thôn Plei Mun Măk. Xã Chư A Thai. Tỉnh gia lai | |
| 583 | **Phạm Tấn Việt** | **GL-0581** | 21/11/1987 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | |
| 584 | **Võ Đại Việt** | **GL-0582** | 28/09/1979 | 29 Nguyễn Cảnh Chân, xã Phú Lộc, thành phố Huế | |
| 585 | **Nguyễn Quang Vinh** | **GL-0583** | 30/10/1984 | 229/12 Trường Chinh, Đà Nẵng | |
| 586 | **Nguyễn Xuân Vinh** | **GL-0584** | 15/07/1979 | Tổ 11, Khu phố 7, Phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai | |
| 587 | **Nguyễn Thái Vũ** | **GL-0585** | 01/01/1991 | 51 Đa Phước 1, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 588 | **Nguyễn Văn Vũ** | **GL-0586** | 24/07/1994 | Thuận Phong, Cát Lâm, Phù Cát, Bình Định | |
| 589 | **Trần Văn Vũ** | **GL-0587** | 23/10/1994 | Thôn Đông Đức, Điện Thọ, TX Điện Bàn, Quảng Nam | |
| 590 | **Trần Thị Vui** | **GL-0588** | 20/12/1988 | thôn Mook Đen 2, xã Ia Dom, tỉnh Gia Lai | |
| 591 | **Huỳnh Thị Viễn Vương** | **GL-0589** | 06/10/1990 | Tổ 10, KV 4, Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn, Bình Định | |
| 592 | **Nguyễn Thái Vương** | **GL-0590** | 12/06/1994 | Xóm 3, Thôn Đức Phổ 1, xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai | |
| 593 | **Tăng Minh Vương** | **GL-0591** | 20/12/1986 | Trường Thọ Tây, Trương Quang Trọng, Quảng Ngãi | |
| 594 | **Trần Anh Vương** | **GL-0592** | 25/08/1987 | Tổ 36 Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | |
| 595 | **Trần Ngọc Vương** | **GL-0593** | 14/04/2001 | Khối phố An Nam, Tân Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam | |
| 596 | **Hoàng Đạt Vượng** | **GL-0594** | 29/05/1986 | Tổ 4, Phường Buôn Ma Thuột, Dak Lak | |

| STT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CHỨNG CHỈ | NGÀY SINH | ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 597 | **Nguyễn Thị Tường Vy** | **GL-0595** | 30/10/1990 | Tổ 3, Hội Thương, Thành phố Pleiku, Gia Lai | |
| 598 | **Võ Thị Kiều Vy** | **GL-0596** | 18/05/1993 | Tổ 7, KP 1, Phường Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | |
| 599 | **Lường Thị Xinh** | **GL-0597** | 20/06/2002 | Thôn Ia Đao, Ia Nan, Đức Cơ, Gia Lai | |
| 600 | **Trần Thị Xinh** | **GL-0598** | 01/10/1983 | Khu QHDC HST Đống Đa, Phường Quy Nhơn, Gia Lai | |
| 601 | **Trần Thị Xuyến** | **GL-0599** | 09/10/1979 | Thôn Lâm Tốk, Ia Dơk, Gia Lai | |
| 602 | **Hà Thị Yến** | **GL-0600** | 28/03/1990 | 232 Y Moan, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đăk Lắk | |
| 603 | **Huỳnh Thị Hải Yến** | **GL-0601** | 13/12/1997 | 322/4 Hoàng Văn Thụ, Tổ 4, KP7, Phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai | |
| 604 | **Lê Thị Hải Yến** | **GL-0602** | 09/12/1987 | 14 Cao Xuân Dục, Thuận Phước, Hải Châu, Đà Nẵng | |
| 605 | **Trần Kim Yến** | **GL-0603** | 04/12/1994 | Hoà Hội Nam, Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định | |
| 606 | **Trần Thị Hải Yến** | **GL-0604** | 26/12/1990 | 120E Linh Đông, KP4, Linh Đông, Thủ Đức, Hồ Chí Minh | |